

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 324/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 8 năm 2024

Về Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp, ông Nguyễn Thế Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 449/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số nhà X, ấp T, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Kim N, sinh năm 1987, cư trú: Số nhà X, ấp T, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Kim N tự tìm hiểu yêu thương, chung sống với nhau từ năm 2011, không có tổ chức lễ cưới và đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Năm 2023 thì hai người phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Trong thời gian chung sống, ông B và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/3/2012 và Nguyễn Gia V, sinh ngày 24/11/2016. Hiện cháu H đang sống chung với ông B; cháu V đang sống chung với bà N.

Theo ông B, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B xin ly hôn với bà N, có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu H và không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Theo bà N, lời trình bày của ông B về mối quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung giữa bà và ông B là đúng. Bản thân bà cũng nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên cũng đồng ý ly hôn. Bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu V và không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Theo các biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên cùng ngày 01/8/2024, thì cháu H có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng ông B; cháu V có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng bà N sau khi ông B và bà N ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của ông B, bà N; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông B và bà N không có đăng ký kết hôn, nên đề nghị tuyên không công nhận ông B, bà N là vợ chồng. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận theo nguyện vọng của các đương sự, giao cháu H cho ông B trực tiếp nuôi dạy; giao cháu V cho bà N trực tiếp nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hoàng Kim N, và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn bà Hoàng Kim N hiện cư trú xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông B và bà N đều có đơn xin vắng mặt. Như vậy ông B và bà N đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Do hôn nhân giữa ông B và bà N không đăng ký kết hôn, nên thuộc trường hợp không tiến hành

hòa giải về tình cảm. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của ông B, bà N, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa ông B và bà N là do bất đồng quan điểm sống, hai người thường cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và họ đã ly thân. Trong thời gian ly thân hai người cũng không thể hiện ý chí hàn gắn. Khi ông B xin ly hôn thì bà N cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông B và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B. Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình thì ông B và bà N có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng ông B và bà N không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông B và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/3/2012 và Nguyễn Gia V, sinh ngày 24/11/2016. Ông B và bà N thống nhất thỏa thuận giao cháu H cho ông B; giao cháu V cho bà N tiếp tục nuôi dạy. Thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu V nên công nhận thỏa thuận về việc nuôi con sau ly hôn của các đương sự.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông B và bà N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên công nhận sự tự nguyện này của ông B và bà N, các bên không phải cấp dưỡng cho nhau trong việc nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn B,

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Kim N là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn B được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/3/2012; bà Hoàng Kim N được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Gia V, sinh ngày 24/11/2016.

Ông B và bà N không phải cấp dưỡng cho nhau trong việc nuôi con.

Ông B, bà N và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của nhau. Ngược lại, phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện An Phú theo Biên lai thu số 0009552 ngày 09/7/2024. (ông B đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Kim N. Thời hạn kháng cáo của ông B, bà N là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh An (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu